

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔ LƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 237/2018/HNGĐ-ST

Ngày 14 -11-2018

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con và
chia tài sản chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG – TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hồng Thể

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Luyện

Bà Trần Thị Minh Hoir

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kỳ

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tham gia phiên
tòa:*** Bà Phan Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Xuân N – sinh năm 1982

Nơi cư trú: Sư đoàn 324, Quân khu IV, phố BT, thị trấn TS, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H – sinh năm 1979

Nơi cư trú: xóm 5A xã N, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn xin ly hôn) ngày 11/6/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Xuân N trình bày giữa nguyên

đơn và bị đơn chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn ngày 16/02/2009 tại UBND xã N, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và sự can thiệp quá nhiều của bố mẹ vợ vào công việc của vợ chồng nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Chị H và bố mẹ vợ không tôn trọng anh N cũng như gia đình anh. Mâu thuẫn kéo dài dai dẳng đến đầu năm 2018 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Ly hôn bị đơn chị Nguyễn Thị H;

- Con chung: có 2 con chung là Nguyễn Xuân B, sinh ngày 10/8/2009 và Nguyễn Xuân Minh Q, sinh ngày 26/10/2016. Nếu ly hôn, nguyên đơn xin được nuôi 01 con chung. Nếu không được nuôi con chung thì nguyên đơn đồng ý cấp dưỡng nuôi 2 con mỗi tháng 750.000 đồng/con.

- Về tài sản chung:

Vợ chồng có 01 thửa đất diện tích 434,7 m², số hiệu thửa 796, tờ bản đồ số 2 tại xóm 5, xã N, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, được UBND huyện Đô Lương cấp GCNQSD đất ngày 14/8/2017, sổ vào sổ cấp giấy CH 01327/CN cho chủ sử dụng đất là Nguyễn Xuân N và Nguyễn Thị H, số seri Giấy CK 593424 trị giá 215.000.000 đồng; tiền tiết kiệm 241.000.000 đồng (nhưng đã sử dụng 70.000.000 đồng để xây móng nhà trên đất); 01 bộ cửa gỗ trị giá 20.000.000 đồng; 16.000.000 đồng tiền bán bộ hoành gỗ. Tổng giá trị tài sản là 492.000.000 đồng. Hiện toàn bộ tài sản chung đều đang do chị H quản lý. Mặc dù không được sự chấp thuận của nguyên đơn nhưng bị đơn vẫn tiến hành xây nhà trên đất nên theo nguyên đơn ngôi nhà đang xây là của riêng bị đơn, không phải là tài sản chung vợ chồng và bị đơn phải chịu trách nhiệm về việc tự ý sử dụng tiền chung vào việc xây nhà. Nguyên đơn yêu cầu tòa án chia tài sản chung vợ chồng theo hướng: giao cho bị đơn sở hữu và sử dụng thửa đất + phần móng nhà xây trên đất + 01 bộ cửa gỗ nhưng bị đơn phải giao lại tiền mặt đang cầm giữ cho nguyên đơn là 218.000.000 đồng trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày xét xử. Riêng ngôi nhà đang xây dựng dở dang trên đất thì nguyên đơn không liên quan và yêu cầu gì.

- Về nghĩa vụ tài sản chung: vợ chồng không nợ cá nhân, tổ chức nào và nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị H có yêu cầu, đề nghị Tòa án giải quyết:

- Chấp nhận ly hôn do không còn tình cảm với nguyên đơn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do nguyên đơn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và thường xuyên quấy phá gia đình.

- Về con chung: có 2 con chung là Nguyễn Xuân B, sinh ngày 10/8/2009 và Nguyễn Xuân Minh Q, sinh ngày 26/10/2016. Nếu ly hôn, bị đơn yêu cầu được nuôi cả hai con chung và yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con chung

mỗi tháng 1.500.000 đồng/02 con chung như khả năng của nguyên đơn; không đồng ý giao con chung cho nguyên đơn nuôi.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 thửa đất diện tích 434,7 m², số hiệu thửa 796, tờ bản đồ số 2 tại xóm 5, xã N, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, được UBND huyện Đô Lương cấp GCNQSD đất ngày 14/8/2017, số vào sổ cấp giấy CH 01327/CN cho chủ sử dụng đất là Nguyễn Xuân N và Nguyễn Thị H, số sêri Giấy CK 593424 trị giá 215.000.000 đồng; tiền tiết kiệm 241.000.000 đồng (đã sử dụng vào xây móng nhà hết 70.000.000 đồng); 01 bộ cửa gỗ trị giá 20.000.000 đồng; 16.000.000 đồng tiền bán bộ hoành gỗ. Tổng giá trị tài sản là 492.000.000 đồng. Toàn bộ tiền mặt hiện bị đơn đã sử dụng vào mục đích mua vật liệu xây dựng và chi trả tiền công thợ xây nhà còn hiện vật thì đang thuộc quyền quản lý của bị đơn. Trong thời gian anh N ở đơn vị thì chị H đã chủ động xây dựng nhà cửa nhưng anh N không vừa ý với ngôi nhà; nay anh N không thừa nhận ngôi nhà là tài sản chung thì chị H cũng đồng ý nhận ngôi nhà đang xây dựng dở dang trên đất là tài sản riêng của mình.

Bị đơn đồng ý nhận các tài sản chung vợ chồng gồm thửa đất + móng nhà xây trên đất + 01 bộ cửa gỗ và giao lại cho nguyên đơn số tiền là 218.000.000 đồng. Tuy nhiên, hiện bị đơn đã sử dụng tất cả tiền mặt vào việc xây dựng nhà nên không có khả năng để giao tiền trong thời gian 5 ngày như nguyên đơn yêu cầu. Bị đơn đề nghị giao tiền lại cho nguyên đơn trong thời hạn 3 năm kể từ ngày xét xử.

- Về nghĩa vụ tài sản chung: vợ chồng không nợ cá nhân, tổ chức nào và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương phát biểu ý kiến theo quy định tại điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác minh và thu thập chứng cứ cũng như thời hạn giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đương sự chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đề nghị áp dụng điều 28, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 56, 59, 60, 62, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: giải quyết cho anh Nguyễn Xuân N ly hôn chị Nguyễn Thị H; giao cả hai con chung cho bị đơn nuôi và buộc nguyên đơn cấp dưỡng nuôi 02 con chung 1.500.000 đồng/tháng; chia tài sản chung theo hướng giao cho bị đơn sở hữu và sử dụng thửa đất + móng nhà + 01 bộ cửa gỗ và bị đơn phải giao lại cho nguyên đơn số tiền mặt là 218.000.000 đồng; không giải quyết nghĩa vụ tài sản chung; các đương sự phải chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] . Về tố tụng:

Nguyên đơn và bị đơn có tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chưa thành niên khi ly hôn nên Tòa án tiến hành thu thập ý kiến của UBND xã N về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp là phù hợp với quy định tại khoản 3 điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Xét anh Nguyễn Xuân N và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn ngày 16/02/2009 tại UBND xã N, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An và không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại điều 9, điều 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Như vậy hôn nhân hợp pháp.

Chị H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N có quan hệ bất chính nhưng không có chứng cứ nào để chứng minh về hành vi vi phạm luật hôn nhân gia đình của anh N. Theo anh N, mâu thuẫn chủ yếu do vợ và bố mẹ vợ không tôn trọng, can thiệp vào các vấn đề của vợ chồng. Mặc dù các đương sự không thống nhất về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn nhưng đều xác định không còn tình cảm gì với nhau, đã ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Như vậy anh N và chị H đã vi phạm nghĩa vụ sống chung, thương yêu, chăm sóc, quan tâm giúp đỡ nhau theo quy định tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở để khẳng định, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì thế cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, xử cho anh Nguyễn Xuân N được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: có 2 con chung là Nguyễn Xuân B, sinh ngày 10/8/2009 và Nguyễn Xuân Minh Q, sinh ngày 26/10/2016. Hiện các con chung đang ở với mẹ tại xóm 5A xã N, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Các đương sự đều có nguyện vọng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét: cháu Q chưa đủ 36 tháng tuổi, chị H không thuộc trường hợp bị hạn chế quyền nuôi con nên giao cho chị H trực tiếp nuôi cháu Q là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

Đối với cháu B: nguyện vọng nuôi con của các đương sự đều chính đáng, thể hiện trách nhiệm và tình cảm của cha mẹ dành cho con. Nguyên đơn và bị đơn đều có chỗ ở, công việc và thu nhập ổn định. Theo anh N, dù thường xuyên sống, sinh hoạt, làm việc trong đơn vị (đóng tại Thanh Hóa) và cũng hay bị điều động đi công tác xa nhưng nếu được giao quyền nuôi con thì anh sẽ mang cháu B về nhờ bố mẹ đẻ ở huyện Q, tỉnh Nghệ An nuôi dưỡng còn anh sẽ về thăm con hai tuần một lần, chu cấp đầy đủ tài chính cho việc nuôi con. Như vậy, nếu giao cháu B cho anh N nuôi thì không đảm bảo quyền được bố/mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng của trẻ nhỏ. Hơn nữa hiện nay cháu B đang học tại trường Tiểu học N, nếu giao cháu B cho anh N nuôi thì sẽ làm xáo trộn cuộc sống của

cháu và có khả năng làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của cháu. Cháu B cũng có nguyện vọng được ở với mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao thêm cháu B cho chị H nuôi.

Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con là phải cấp dưỡng nuôi con chung. Các đương sự thống nhất với nhau về mức cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 750.000 đồng/1 con chung (cả hai con 1.500.000 đồng/tháng) nên cần chấp nhận theo thỏa thuận và buộc anh N cấp dưỡng nuôi 2 con chung mỗi tháng 750.000 đồng/1 con chung kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về tài sản chung:

Các đương sự thống nhất với nhau về các tài sản chung bao gồm: 01 thửa đất diện tích 434,7 m², số hiệu thửa 796, tờ bản đồ số 2 tại xóm 5, xã N, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, được UBND huyện Đô Lương cấp GCNQSD đất ngày 14/8/2017, sổ vào sổ cấp giấy CH 01327/CN cho chủ sử dụng đất là Nguyễn Xuân N và Nguyễn Thị H, số sêri Giấy là CK 593424 trị giá 215.000.000 đồng; tiền mặt 187.000.000 đồng (gồm tiền tiết kiệm 171.000.000 đồng và 16.000.000 đồng tiền giá trị bán bộ hoành gỗ); 01 móng nhà trên đất trị giá 70.000.000 đồng; 01 bộ cửa gỗ trị giá 20.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 492.000.000 đồng. Tất cả tài sản chung đều đang do chị H quản lý.

Do các đương sự thống nhất cách chia tài sản nên cần chấp nhận sự thỏa thuận để phân chia tài sản chung như sau:

Chia cho chị H sở hữu và sử dụng: 01 thửa đất diện tích 434,7 m² (số hiệu thửa 796, tờ bản đồ số 2 tại xóm 5, xã N, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An) trị giá 215.000.000 đồng, 01 móng nhà trị giá 70.000.000 đồng + 01 bộ cửa gỗ trị giá 20.000.000 đồng. Nhưng chị H phải giao lại cho anh N số tiền là 218.000.000 đồng trong tổng số trị giá tài sản chung vợ chồng mà chị H đang cầm giữ. Như vậy, giá trị tài sản chị H được quyền sở hữu và sử dụng là 274.000.000 đồng.

Chia cho anh N sở hữu số tiền 218.000.000 đồng do chị H giao lại.

(Riêng ngôi nhà đang xây dựng dở dang trên đất thì các đương sự thống nhất đó là tài sản riêng của chị H nên Hội đồng xét xử không xem xét).

Đối với yêu cầu của nguyên đơn ấn định thời gian chị H thực hiện nghĩa vụ giao số tiền 218.000.000 đồng chia tài sản chung cho anh N thì do các đương sự không thống nhất được nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để ấn định thời gian cụ thể bắt đầu và kết thúc việc thực hiện nghĩa vụ giao tiền. Do vậy, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật thì hành án dân sự.

Về nghĩa vụ tài sản chung: các đương sự không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa không có kiến nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng, án phí chia tài sản chung theo luật định. Bị đơn phải chịu án phí chia tài sản chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 59, 60, 62, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

- Cho anh Nguyễn Xuân N ly hôn chị Nguyễn Thị H;

- Về con chung: giao hai con chung Nguyễn Xuân B, sinh ngày 10/8/2009 và Nguyễn Xuân Minh Q, sinh ngày 26/10/2016 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi. Anh Nguyễn Xuân N có nghĩa vụ thực hiện việc cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng (mỗi con chung là 750.000 đồng/tháng) kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Nếu anh N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh N.

Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: công nhận sự thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung của các đương sự:

Chia cho chị H sở hữu và sử dụng: 01 thửa đất diện tích 434,7 m² (số hiệu thửa 796, tờ bản đồ số 2 tại xóm 5, xã N, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An) trị giá 215.000.000 đồng, 01 móng nhà trị giá 70.000.000 đồng + 01 bộ cửa gỗ trị giá 20.000.000 đồng. Nhưng chị H phải giao lại cho anh N số tiền là 218.000.000 đồng trong tổng số trị giá tài sản chung vợ chồng mà chị H đang cầm giữ. Như vậy, giá trị tài sản chị H được quyền sở hữu và sử dụng là 274.000.000 (Hai trăm bảy mươi tư triệu) đồng.

Chia cho anh N sở hữu số tiền 218.000.000 (Hai trăm mười tám triệu) đồng do chị H giao lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành bản án về nghĩa vụ cấp dưỡng hoặc nghĩa vụ giao tiền, nếu không thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

- Về nghĩa vụ tài sản chung: không giải quyết.

- Về án phí: anh Nguyễn Xuân N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung và 10.950.000 đồng án phí chia

tài sản chung nhưng được vào trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp (10.820.000 đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004213 ngày 27/8/2018 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương phát hành. Anh N còn phải nộp 730.000 đồng án phí.

Chị Nguyễn Thị H phải chịu 13.700.000 đồng án phí chia tài sản chung.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- UBND xã N;
- CCTHADS huyện Đô Lương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Hồng Thể